

Số: /PA-GPMB

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

### **PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH**

**Phương án bồi thường, hỗ trợ đã phê duyệt tại Quyết định số 5821/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt Phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư GPMB dự án Khu dân cư mới Nam Đồng Năn 1, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 4527/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất; số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá và Quy định về việc xác định giá trị bồi thường; số 473/2017/QĐ-UBND ngày 14/2/2017 về việc quy định mức trích, mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 22/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 về việc ban hành Quy định về thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận địa điểm đầu tư; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; số 5653/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh; số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 quy định bảng giá các loại đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 sửa đổi tên gọi và một số điều của Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh và Quy định việc xác định giá trị bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi;

Căn cứ Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Nghị Quyết số 190/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc chấp thuận bổ sung danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích đất lúa, trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá đợt 2, năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 8362/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới Nam Đồng Năn 1, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 6854/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án: Đường giao thông nội Tỉnh lộ 514 và Quốc lộ 47C, huyện Triệu Sơn theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BT);

Căn cứ Quyết định số 5821/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt Phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư GPMB dự án Khu dân cư mới Nam Đồng Năn 1, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Văn bản số 3174/UBND-TCKH ngày 16/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc xác định đơn giá bồi thường cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án trên địa bàn huyện;

Căn cứ Văn bản số 4931/UBND-TCKH ngày 01/9/2021 của UBND huyện Triệu Sơn về việc thông báo giá gạo tẻ để bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án trên địa bàn huyện Triệu Sơn;

Hội đồng bồi thường GPMB dự án lập Phương án điều chỉnh Phương án bồi thường, hỗ trợ đã phê duyệt tại Quyết định số 5821/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt Phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ tái định cư GPMB dự án Khu dân cư mới Nam Đồng Năn 1, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, với những nội dung sau:

**1. Điều chỉnh đối tượng bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 5821/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND huyện, như sau:**

**1.1. Đối tượng đã phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB:**

Tại các mục 4.IV, 10.IV, 32.IV, 36.IV, 3.V, kèm theo phụ lục tại Quyết định số 5821/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND huyện, thể hiện đối tượng được bồi thường, hỗ trợ GPMB là các hộ gia đình, cá nhân: Trịnh Thị Lý, Lê Văn Thắm, Trịnh Ngọc Lộc, Trịnh Thị Thi, Hà Văn Thoa.

**1.2. Nay điều chỉnh như sau:**

- Điều chỉnh đối tượng được bồi thường, hỗ trợ GPMB là 04 hộ gia đình, cá nhân, gồm: Trịnh Thị Lý, Lê Văn Thắm, Trịnh Ngọc Lộc, Hà Văn Thoa, thành tổ chức được bồi thường, hỗ trợ GPMB là Công ty TNHH Phát triển Giáo dục Minh Thành, tại các thửa đất số: 132; 119; 140, tờ bản đồ số: 20, bản đồ địa chính thị trấn Triệu Sơn đo vẽ 2011 và thửa đất số 386, tờ bản đồ số 17, bản đồ địa chính xã Minh Sơn đo vẽ 2011.

- Điều chỉnh tên hộ gia đình, cá nhân được bồi thường, hỗ trợ GPMB là bà Trịnh Thị Thi thành ông Trịnh Ngọc Chung (Nguyệt), tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 21, bản đồ địa chính thị trấn Triệu Sơn đo vẽ 2011.

**1.3. Lý do điều chỉnh:** Do sai sót khi kiểm kê chủ sử dụng đất.

**2. Điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ GPMB đã phê duyệt tại Quyết định số 5821/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND huyện:**

**2.1. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB đã phê duyệt: 7.822.472.310 đồng; trong đó:**

- Bồi thường, hỗ trợ về đất:	2.543.044.000 đồng;
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:	3.814.566.000 đồng;
- Bồi thường cây cối hoa màu:	317.880.500 đồng;
- Hỗ trợ ổn định đời sống:	993.600.000 đồng;
- Chi phí giải phóng mặt bằng:	153.381.810 đồng.

**2.2. Nay điều chỉnh như sau:**

a) Điều chỉnh giảm kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB: 116.939.940 đồng; trong đó:

- Giảm kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:	84.228.000 đồng;
- Giảm kinh phí bồi thường cây cối hoa màu:	7.019.000 đồng;
- Giảm kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống:	23.400.000 đồng;
- Giảm chi phí giải phóng mặt bằng:	2.292.940 đồng.

*(Chi tiết có Phụ lục I kèm theo)*

b) Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB sau điều chỉnh: 7.705.532.370 đồng; trong đó:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất:	2.543.044.000 đồng;
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:	3.730.338.000 đồng;
- Bồi thường cây cối hoa màu:	310.861.500 đồng;
- Hỗ trợ ổn định đời sống:	970.200.000 đồng;
- Chi phí giải phóng mặt bằng:	151.088.870 đồng.

*(Chi tiết có Phụ lục II kèm theo)*

**2.3. Lý do:** Do điều chỉnh đối tượng bồi thường, hỗ trợ về đất.

**3. Các nội dung khác giữ nguyên như Quyết định số 5821/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND huyện Triệu Sơn./.**

**Nơi nhận:**

- Các phòng, ban liên quan (t/hiện);
- Lưu: VT, HĐ GPMB.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN  
Lê Phú Quốc**

**PHỤ LỤC I: ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND HUYỆN SỐ 5821/QĐ-UBND ngày 29/7/2020**

**Dự án: Khu dân cư mới Nam Đồng Năn 1, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn**

TT	SHS	Họ và tên	Địa chỉ (Thôn, Xóm)	Loại đất thu hồi	Tờ bản đồ số	Số hiệu thửa đất	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đồng)				Tổng
								Bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	Bồi thường, hỗ trợ ổn định đời sống	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu	
<b>I</b>	<b>Thị trấn Triệu Sơn</b>						<b>1.733,9</b>	<b>69.356.000</b>	<b>19.806.000</b>	<b>0</b>	<b>1.650.500</b>	<b>90.812.500</b>
1	31b	Trịnh Thị Nguyệt (Chung)	Tân Phong	LUC	20	153	330,1	13.204.000	19.806.000		1.650.500	34.660.500
2		Công ty TNHH phát triển giáo dục Minh Thành	Phố Giắt	LUC	20	119	43,9	1.756.000				56.152.000
				LUC	20	140	218,1	8.724.000				
				LUC	20	132	449,1	17.964.000				
				LUC	17	386	692,7	27.708.000				
<b>II</b>	<b>Điều chỉnh Quyết định</b>						<b>-1.733,9</b>	<b>-69.356.000</b>	<b>-104.034.000</b>	<b>-23.400.000</b>	<b>-8.669.500</b>	<b>-205.459.500</b>
1	11	Giảm trừ QĐ 5821 ngày 29/7/2020 của hộ ông Lê Văn Thẩm	Tân Phong	LUC	20	119	-43,9	-1.756.000	-2.634.000		-219.500	-4.609.500
2	35	Giảm trừ QĐ 5821 ngày 29/7/2020 của hộ ông Trịnh Ngọc Lộc	Tân Phong	LUC	20	140	-218,1	-8.724.000	-13.086.000		-1.090.500	-22.900.500
3	4	Giảm trừ QĐ 5821 ngày 29/7/2020 của hộ bà Trịnh Thị Lý	Tân Phong	LUC	20	132	-449,1	-17.964.000	-26.946.000	-9.000.000	-2.245.500	-56.155.500
4	43	Giảm trừ QĐ 5821 ngày 29/7/2020 của hộ bà Trịnh Thị Thi	Tân Phong	LUC	20	153	-330,1	-13.204.000	-19.806.000	-7.200.000	-1.650.500	-41.860.500
5	4	Giảm trừ QĐ 5821 ngày 29/7/2020 của hộ ông Hà Văn Thoa	Tân Ninh	LUC	17	386	-692,7	-27.708.000	-41.562.000	-7.200.000	-3.463.500	-79.933.500
<b>III</b>	<b>Cộng</b>						<b>0,0</b>	<b>0</b>	<b>-84.228.000</b>	<b>-23.400.000</b>	<b>-7.019.000</b>	<b>-114.647.000</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí thực hiện (IV=III*2%)</b>											<b>-2.292.940</b>
<b>V</b>	<b>Tổng KP thực hiện (V=III+IV)</b>											<b>-116.939.940</b>